TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 14 tháng 01 năm 2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Đình Tâm, bà Nguyễn Thị Hà.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 62/2024/QĐST- HNGĐ ngày 26/12/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trương Thị Ngọc Á - Sinh năm: 2004

Nơi ĐKHKTT: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Khu phố D, thị trấn V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn V - Sinh năm: 2002

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà, vắng mặt chị Á và anh V (Chị Á có đơn xin xét xử vắng mặt, anh V vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/7/2024, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trương Thị Ngọc Á trình bày: Chị Á và anh Bùi Văn V được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục của địa phương và đăng ký kết hôn ngày 23/3/2023 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới, vợ

chồng chung sống hòa thuận được khoảng 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh V thiếu trách nhiệm trong việc chăm sóc con cái, không chu cấp tiền nuôi con. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Đến nay, chị Á xác định tình cảm vợ, chồng không còn nên chị Á yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh V.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Đức T, sinh ngày: 19/10/2023. Khi ly hôn, chị Á có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu T và yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Á mỗi tháng số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con từ khi ly hôn đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị Á không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập anh Bùi Văn V để nộp bản tự khai và thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh V đều vắng mặt không có lí do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; 107, 110, 116 và 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho chị Trương Thị Ngọc Á được ly hôn anh Bùi Văn V. Giao cháu Bùi Đức T, sinh ngày: 19/10/2023 cho chị Á trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh V cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Á mỗi tháng số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2025 đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

- Về án phí: Chị Á phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật. Anh Bùi Văn V phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trương Thị Ngọc Á khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với anh Bùi Văn V. Anh V có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh V vắng mặt không có lí do, tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt anh V và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh V theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Anh V đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải nhiều lần nhưng anh V đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Tại phiên tòa, chị Á vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh V lần thứ hai đến để tham gia phiên tòa nhưng anh V vắng mặt không có lý do nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị Á và anh V.

[2] Về hôn nhân: Chị Trương Thị Ngọc Á và anh Bùi Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/03/2023 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều vấn đề không cùng quan điểm nên thường xuyên cãi vã. Trong quá trình giải quyết vụ án tại các buổi hòa giải anh V không đến Tòa án để tham gia hòa giải mà không có lý do. Từ khi chị Á có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn đối với anh V, anh V cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị Á và anh V không còn, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Á đối với anh V là có cơ sở, nên yêu cầu của chị Á được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Trương Thị Ngọc Á và anh Bùi Văn V có 01 con chung là cháu Bùi Đức T, sinh ngày: 19/10/2023. Khi ly hôn chị Á có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Hội đồng xét xử thấy: Việc nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm của cả vợ và chồng. Tuy nhiên, từ khi chị Á và anh V sống ly thân đến nay, cháu T sinh sống cùng mẹ, được mẹ chăm sóc chu đáo, đồng thời cháu T còn nhỏ chưa đủ 36 tháng tuổi. Để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt cũng như ổn định về cuộc sống của cháu T, cần giao cháu T cho chị Á trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng: Chị Á yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Hội đồng xét xử thấy: Việc nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm của cả chị Á và anh V. Cháu T còn nhỏ nên cần nhiều các khoản chi phí về ăn, ở đảm bảo cho sự phát triển về thể chất và tinh thần,

việc anh V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Á là phù hợp nên chấp nhận yêu cầu của chị Á.

[5] Về tài sản chung: Chị Á không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Á phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Anh V phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị định 74/2024/NĐ- CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ; Nghị quyết 01/2024/NQ- HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị Ngọc Á được ly hôn anh Bùi Văn V.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Đức T (Giới tính: Nam), sinh ngày: 19/10/2023 cho chị Á trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh V cấp dưỡng nuôi dưỡng nuôi con chung cùng chị Á mỗi tháng số tiền 2.000.000 đ (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 01/2025 cho đến khi cháu Bùi Đức T đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên đương sự có yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng khác.

Anh V có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

Trường hợp có căn cứ để thay đổi người trược tiếp nuôi con sau khi ly hôn thì thực hiện theo quy định tại điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Chị Trương Thị Ngọc Á phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị Á đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số 0002387 ngày 09/10/2024. Chị Á đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh V phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Trương Thị Ngọc Á và anh Bùi Văn V. Chị Á và anh V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã Thạch Sơn;
- Chi cục THADS h. Thạch Thành;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Tuấn